Hướng dẫn của Tòa án Nhân dân Tối cao về áp dụng pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm trong hợp đồng cho vay giữa tổ chức tín dụng với khách hàng

Ngày 11/01/2019, Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm (sau đây gọi tắt là Nghị quyết 01) trong hợp đồng cho vay giữa cá nhân, pháp nhân không phải là tổ chức tín dụng với nhau (cho vay dân sự) và trong hợp đồng cho vay giữa tổ chức tín dụng và khách hàng (hợp đồng tín dụng). Đối với việc áp dụng pháp luật về lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng, Nghị quyết 01 đã có những hướng dẫn cụ thể, phù hợp với đặc thù của hoạt động ngân hàng và phù hợp với hệ thống pháp luật chuyên ngành ngân hàng. Có thể nói, Nghị quyết 01 là văn bản quy phạm pháp luật đầu tiên của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn đầy đủ, chi tiết việc áp dụng pháp luật về lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng , góp phần tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc cho tổ chức tín dụng (TCTD) trong thời gian qua, tạo ra cách hiểu thống nhất trong việc áp dụng pháp luật về lãi, lãi suất trong hoạt động tín dụng ngân hàng. Bài viết này chúng tôi xin giới thiệu những nội dung cơ bản về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Nghị quyết 01 liên quan đến hoạt động ngân hàng.

1. Luật các Tổ chức tín dụng và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành là các văn bản áp dụng khi xét xử các tranh chấp có liên quan về lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng

Điều 7 Nghị quyết 01 quy định lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng do các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của Luật các TCTD và văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Luật các TCTD. Khi giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng, Tòa án áp dụng quy định của pháp luật ngân hàng để giải quyết mà không áp dụng quy định về giới hạn lãi suất của Bộ luật Dân sự năm 2005, Bộ luật Dân sự năm 2015 để xác định lãi, lãi suất.

Như vậy, theo quy định nói trên, đã xác định một cách rõ ràng và tạo một cách hiểu thống nhất là lãi, lãi suất trong hoạt động cho vay của các tổ chức tín dụng với khách hàng không áp dụng quy định về giới hạn lãi suất tại Bộ luật Dân sự mà thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành là Luật các TCTD và các văn bản hướng dẫn Luật các TCTD. Quá trình xây dựng và thông qua các luật quan trọng như Bộ luật Dân sự 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các TCTD năm 2017 đều thừa nhận, hướng đến nguyên tắc áp dụng pháp luật chuyên ngành ngân hàng đối với hợp đồng tín dụng, trong đó có thỏa thuận về lãi, lãi suất. Việc quy định tại Điều 7 Nghị quyết 01 đã thể hiện rõ nguyên tắc áp dụng pháp luật nói trên, tạo sự thống nhất trong quá trình áp dụng quy định của pháp luật về lãi, lãi suất trong hoạt động ngân hàng.

Hiện nay, quy định về lãi, lãi suất trong hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng với khách hàng được quy định tại Luật các TCTD, Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 quy định về hoạt động cho vay của TCTD, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng, Thông tư 43/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 quy định cho vay tiêu dùng của công ty tài chính, Thông tư số 14/2017/TT-NHNN ngày 29/09/2017 quy định phương pháp tính lãi trong hoạt động nhận tiền gửi, cấp tín dụng giữa TCTD với khách hàng.... Theo các văn bản nói trên, TCTD và khách hàng thỏa thuận về lãi suất cho vay theo cung cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của khách hàng, trừ trường hợp phải tuân thủ mức lãi suất cho vay tối đa do Thống đốc NHNN quyết định trong từng thời kỳ đối với cho vay ngắn hạn bằng đồng Việt Nam thuộc 05 lĩnh vực ưu tiên . Bên cạnh đó, để đảm bảo tính minh bạch trong hoạt động cho vay, các văn bản nói trên cũng quy định trong quá trình ký kết hợp đồng cho vay, TCTD phải công khai, minh bạch các thông tin đối với khách hàng vay, đặc biệt là thông tin về lãi, lãi suất cho vay để đảm bảo quyền lợi của khách hàng vay.

2. Về xác định lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng đến thời điểm xét xử sơ thẩm

Điều 8 Nghị quyết 01 quy định chia theo hai trường hợp: (a) lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng xác lập trước ngày 01/01/2017 ; và (b) lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng xác lập kể từ ngày 01/01/2017.

Tại thời điểm xét xử sơ thẩm, lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng được xác lập trước ngày 01/01/2017 được xác định như sau: (i) Lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả được xác định theo lãi suất các bên thỏa thuận; (ii) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả được xác định theo thỏa thuận của các bên. Lãi, lãi suất các bên thỏa thuận nói trên phải phù hợp với Luật các TCTD và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất áp dụng cho hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng, thời điểm tính lãi suất.

Tại thời điểm xét xử sơ thẩm, lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng xác lập kể từ ngày 01/01/2017, ngoài lãi trên nợ gốc, lãi trên nợ gốc quá hạn được xác định tương tự như hợp đồng tín dụng xác lập trước ngày 01/01/2017, trường hợp khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi trên nợ gốc theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng còn phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất do TCTD và khách hàng thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất giới hạn mà pháp luật quy định (theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN thì mức lãi suất giới hạn là 10%/năm).

Như vậy, theo Nghị quyết 01, đối với hợp đồng tín dụng xác lập kể từ ngày 01/01/2017, khi xác định các khoản tiền lãi còn có thể có thêm khoản tiền lãi đối với việc chậm trả lãi. Việc xác định lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng theo hai thời điểm trước và từ ngày 01/01/2017 có sự khác nhau, do (i) Bộ luật Dân sự năm 2005 nội dung về lãi, lãi suất trong hợp đồng vay chưa có quy định về việc tính lãi trên tiền lãi chậm trả, (ii) trong khi đó Bộ luật Dân sự năm 2015 đã có quy định cụ thể về việc bên chậm trả lãi còn phải trả tiền lãi trên lãi chậm trả ngoài khoản tiền lãi trên nợ gốc và lãi trên nợ gốc quá hạn . Pháp luật ngân hàng hiện nay cũng phù hợp với nội dung nói trên của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Nghị quyết 01 cũng quy định rõ các mốc thời gian để tính lãi:

Thứ nhất, thời điểm xét xử sơ thẩm được xác định là ngày Tòa án ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự hoặc ngày Tòa án tuyên án khi xét xử sơ thẩm hoặc xét xử sơ thẩm lại (khoản 1 Điều 6 Nghị quyết 01).

Thứ hai, thời gian chậm trả tiền nợ gốc bắt đầu kể từ ngày chuyển nợ quá hạn đến thời điểm xét xử sơ thẩm, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác (khoản 3 Điều 8 Nghị quyết 01).

Thứ ba, thời gian chậm trả tiền lãi trên nợ gốc bắt đầu kể từ ngày tiếp theo liền kề của ngày phải trả lãi trên nợ gốc đến thời điểm xét xử sơ thẩm, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác (khoản 4 Điều 8 Nghị quyết 01).

3. Về xác định lãi, lãi suất từ sau thời điểm xét xử sơ thẩm đến khi thi hành án xong

Điều 13 Nghị quyết 01 quy định rõ khi giải quyết vụ việc liên quan đến lãi, lãi suất thì cùng với việc quyết định khoản tiền mà bên có nghĩa vụ về tài sản phải thanh toán cho bên được thi hành án đến thời điểm xét xử sơ thẩm, Tòa án phải quyết định trong bản án việc xác định lãi từ sau thời điểm xét xử sơ thẩm đến khi bên phải thi hành án thi hành án xong. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp quy định của pháp luật.

Thứ hai, mức lãi suất hai bên thỏa thuận là mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng hoặc tại Tòa án; trường hợp các bên không có thỏa thuận về mức lãi suất nợ quá hạn thì mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn.

Như vậy, theo các quy định tại Điều 8 và Điều 13 Nghị quyết 01, việc tính lãi đối với hợp đồng tín dụng không bị gián đoạn cho đến khi khách hàng vay thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho TCTD. Quy định này là hoàn toàn hợp lý, bảo đảm được quyền lợi chính đáng của bên cho vay.

4. Về xử lý thỏa thuận về lãi, lãi suất cao hơn mức lãi, lãi suất được pháp luật quy định

Điều 9 Nghị quyết 01 quy định đối với hợp đồng vay có thỏa thuận về lãi suất, lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi trên nợ lãi quá hạn cao hơn mức lãi suất, lãi được pháp luật quy định thì mức lãi suất, lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi trên nợ lãi quá hạn vượt quá không có hiệu lực; số tiền lãi đã trả vượt quá mức lãi suất, lãi pháp luật quy định được trừ vào số tiền nợ gốc tại thời điểm trả lãi; số tiền lãi đã trả vượt quá còn lại sau khi đã trừ hết nợ gốc thì được trả lại cho bên vay.

5. Về xử lý việc không trả nợ đúng hạn trong hợp đồng vay

Điều 12 Nghị quyết 01 quy định trường hợp hợp đồng vay vừa có thỏa thuận phạt vi phạm, vừa có thỏa thuận lãi trên nợ gốc quá hạn đối với hành vi không trả nợ đúng hạn của bên vay thì Tòa án căn cứ quy định tương ứng của Bộ luật Dân sự, Luật các TCTD và văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Bộ luật Dân sự, Luật các TCTD tại thời điểm xác lập hợp đồng, thời điểm tính lãi suất để xem xét, quyết định xử lý đối với hành vi không trả nợ đúng hạn theo nguyên tắc chỉ xử lý một lần đối với mỗi hành vi không trả nợ đúng hạn. Quy định này được hiểu là Tòa án không công nhận việc vừa áp dụng lãi suất quá hạn trên nợ quá hạn và vừa áp dụng phạt vi phạm đối với hành vi khách hàng không trả nợ đúng hạn theo thỏa thuận.

Nghị quyết 01 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/3/2019. Đối với những vụ việc đã được Tòa án thụ lý trước ngày 15/3/2019 nhưng sau ngày 15/3/2019 mới xét xử sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm thì áp dụng Nghị quyết 01 để giải quyết. Đối với những vụ việc đã được Tòa án thụ lý giải quyết và bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật trước ngày 15/3/2019 thì không áp dụng Nghị quyết 01 để kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm.

Trên đây là những nội dung cơ bản của Nghị quyết 01 về lãi, lãi suất, phạt vi phạm liên quan đến hợp đồng cho vay của TCTD đối với khách hàng./.

Phạm Tiến Sỹ, Nguyễn Thị Lương Trà (Vụ Pháp chế)